

CUỐN III

ẢNH HƯỞNG CÁC SAO LẬP THUẬT THÁI ẤT

KHUÔN HUYỀN CÔ LẠI

Định chủ khách để phân động lặng, được thua, trước sau

Dàn quân ngoài đồng, cờ bay trước nhau, thì động trước là khách. Ở yên đôi bờ, đánh trước là (khách) chủ.

Chủ khách cửa đủ tướng phát, Âm Dương hòa, lợi dấy quân khởi trước thắng, khởi sau thua. Hoặc cửa không đủ, tướng không phát, nên cố giữ, không để động trước.

Ví chủ khách, một lành một dữ, lợi chủ thì chủ thắng, lợi khách thì khách thắng.

Ví chủ khách, dữ lành đều nhau, thì bên dài thắng, ngắn thua.

Muốn biết chủ khách được thua, xem ở Mất gần 4 góc thần gì.

Ra Đông thì lấy Đức Âm (Kiền), ra Nam thì lấy Đức Hòa (Cấn). Ra Tây thì lấy Sáng lớn (Tốn), ra Bắc thì lấy Vũ lớn (Khôn), làm thần mới phát mà định chủ khách lúc khởi lúc về. Xét đó mà dùng, tránh họa đồ quân.

Khách muốn biết chủ, xem toán có thể biết.

Chủ muốn biết khách, xem toán có thể biết.

Phàm nói kích trước, đều do kẻ giờ định trước. Đến như, kẻ kia đã đặt doanh yên trại, giữ hiểm. Ta đến kích, khác gì nhiều năm binh cách cầm cự nhau. Kẻ kia đã có hình thế bền bỉ, ta đến công, phải xét lại định kế. Như thời yên ổn không kịp định kế, dùng kẻ tuế, trước xem khí chủ, rồi xét khí khách để rõ thịnh suy mà chia lành dữ, thì tốt xấu biết được.

Xem vị phụ tá nước có hiền không?

Muốn biết vị đại thần phụ tá nước có hiền không, lấy Lã thân trên Tuế cả, thấy dưới Bài văn là nơi khí sống phương mạnh thì vua được phụ tướng hiền lương, có tài tá nước. Ví là nơi Chết Giam Thôi Bỏ, thì tôi tá hữu không đáng người.

Xem vị phụ tá nước ngoài

Phép lấy Lã thân trên ngôi Tuế, thấy dưới Mối Kích là nơi khí sống, phương Mạnh Khá, thì vị đại thần trung lương, trí tuệ, kham được việc lớn ký thác. Ví là đất Chết Tham Thôi Bỏ, thời là phương nhỏ nhen, chuyên quyền không phải kẻ sĩ trung lương.

Xem tướng soái nước hiền không?

Như muốn biết vị tướng soái trong nước hiền không, lấy Lã thân trên ngôi Tuế. Xem ngôi Đại tướng chủ ở đất sống mạnh, phương có khí, thì vị đại thần là người trung lương, trí dũng, có thể gánh vác được việc lớn giao thác. Ví phải đất Chết Giam Thôi Bỏ, kẻ kia không trí dũng. Dưới cửa chết, hẳn kẻ kia có triệu bỏ mình.

Xem nước địch động tĩnh

Muốn biết bên động tĩnh, lấy toán khách mà quyết. Toán khách, cửa đóng thì địch không lại. Toán hòa, cửa đủ, tướng phát, không Cấp Ếm Kích Bách, chủ khách

đều hội ở trước cung Ất cả, chắc địch đến hàng, không làm giặc cướp. Ví 3 cửa không đủ, 5 tướng không phát có ếm kích, chủ khách không hội ở trước cung Ất cả, những điều nghe thấy đều hung, kẻ địch không hàng, định làm giặc cướp.

Phàm hai mắt, 4 tướng, có một ở Tả hữu Ất cả, cũng vậy.

Xem sứ địch hư thực

Muốn biết sứ địch hư thực, xem Ất cả chốn Kể giờ thế nào. Ất cả đuổi ép Mất khách đại tướng khách, lời nói của sứ địch đều thực. Mất khách đại tướng Khách áp Ất cả, lời nói đều nói dối.

Xem nước địch có gian tế vào dòm nom không

Phép lấy Đại tướng khách mà quyết, phương Ất cả xông là giới phân trong ngoài. Ví Mất khách ở đất ngoài. Đại tướng chủ khách tới cung, thì gian tế vào trong cảnh.

Ví Ất cả tại cung 1, cung 6, 7, 2, 9 là đất sau trong. Nơi ở, lấy trong là gần, lấy ngoài là xa. Cung 3, 4, 8, 9 là đất trước ngoài lấy trong làm gần, lấy ngoài làm xa.

Gần là vào cảnh đã lâu. Xa là kì mới phát. Lấy 4 kể mà xét.

Xem giặc từ đâu lại, quân tướng nhiều ít

Toán kể giờ, lấy Mất khách ở đâu mà quyết.

Ví giờ ở Dương thì có giặc, ở Âm thì không có. Toán được 16 trở lên là âm dương hòa, giặc đến có quân tướng đông đảo, từ 15 trở xuống, quân ít tướng không.

Muốn biết phương lại, ở bên tả là từ Đông lại, bên Hữu là từ Tây lại, ở trước là từ Nam lại, ở sau là từ Bắc lại, 4 góc thì không có. Ví toán khách cửa đóng, bế tắc không lại.

Thấy nghe hư thực

Phàm thấy nghe đều lấy kể giờ mà quyết. Nếu Mất khách ếm kích Ất cả, nghe việc lành thì hư, việc ác thì thực. Cửa đủ tướng phát thì việc lành thực, việc dữ hư. Chủ cấp, việc hung thực, việc cát hư. Được Mất trời ở trong (trước Ất là ngoài, sau Ất là trong), việc nghe có mừng không lo, việc lo không lo mà còn mừng. Ất cả ở trước là ngoài, ở sau là trong. Âm trùng, dương trùng, tất có hung trùng. Hung kỵ ở trong.

Thuật xem binh kì binh phục

Kinh rằng: Binh kỳ biết được, chuyển họa làm phúc. Trong 1000 người tuyển lấy 300 người, trong vạn người tuyển lấy 3000 người là binh kì. Kì là tùy thế đất mà nấp mình, không thể giữ thường được. Kì, phải theo đất Giết lớn (Văn Kịch). Toán nên được 1.

Ra quân chiến trận, thế nào lợi.

Quân phục quân kì, thế nào nên.

Phàm ra quân nên hướng về toán. Chiến trận nên tựa về toán. Quân phục nên vào giờ Ất cả ếm ép. Quân kì nên yên 2 Mất phương Giết lớn. Giết lớn là đất Bài văn, Mới kích đóng. Chiến nên dự bị phương 2 mất.

Yên doanh đặt trận

Phép xưa nói tìm Ất Cả hai mắt rồi sẽ quyết định. Ất cả bên tả, 2 mắt bên hữu, là âm dương hòa thuận. Trên Mắt có Ếm kích cấp cách, dưới mắt không Ngăn Giam ép cách, Ất cả, 2 mắt không ở rời tuyệt, cửa đủ tướng phát, có thể yên doanh, dụng cửa viên để chia đường lối.

Bày trận tương cờ

Phép bày trận tương cờ trong khoa Ất cả, người xưa giữ bí mà không truyền trong đời. Nay xét tìm trong trở bảo mà biết được. Nếu toán: được 1 (Kiền), 8 (Khảm) là thuộc Nước, nên bày trận cong, tương cờ đen.

Được 3 (Cấn) là thuộc Gỗ, bày trận thẳng tương cờ xanh.

Được 4 (Chấn) 9 (Tốn) là thuộc Lửa, bày trận nhọn tương cờ đỏ.

Được 2 (Ly) 5 (Giữa) là thuộc Đất, bày trận vuông tương cờ vàng.

Được 6 (Đoài) 7 (Khôn) là thuộc Kim, bày trận tròn tương cờ trắng.

Ví 3 cửa đủ, 5 tướng phát, lợi dấy quân động chúng. Thấy Bài Văn không ở Ếm Kích, lại không ở dưới 3 cửa Mở Lành Sống, đi là có báo tiếp (được trận).

Thuật bày trận theo đất

Ví đất sau cao trước thấp, dùng trận nhọn thuộc Lửa, lợi chiến tiến tam địch. Trước cao sau thấp, không lợi tiến lùi, dùng trận thẳng, thuộc Gỗ, lợi sau đấu sức và giữ, dự bị việc ngăn địch, đợi giặc.

Ví thế cao thì dùng trận cong thuộc Nước, lợi để nuốt địch.

Ví xiêu vẹo không lợi cho ta thì dùng trận tròn thuộc Đất, lợi việc giữ vững.

Ví Đất cao và 4 mặt rộng phẳng thì dùng trận vuông thuộc Đất, lợi việc chiến gấp.

Phép Ất cả, khởi quân hướng trận, chủ ở đất xem phương, chế biến vận theo thế toán. Đó là đạo dùng binh của bậc vua chúa.

Khi mây mới nổi, tìm hiểu thuận hay nghịch

Kinh rằng: 2 quân giao chiến, muốn biết khí mây thuận hay nghịch cho quân, xem toán chủ và khách mà quyết. Mây theo toán mà lại là thuận. Từ phương xông toán mà lại là nghịch. Thuận thì thắng, nghịch thì hay.

Giả như: ần dương. Giáp Tý nguyên trên, khối 13, ngày Bính Tí. Ất cả ở cung 6. Bài văn trên Sáng Lớn (9). Toán chủ, được 13. Mới kích trên Dương Cả. Toán khách 19. Đại chủ ở cung 8. Đại khách ở cung 9. Tham chủ cung 4, Tham khách cung 7. Chủ khách đều lợi.

Chủ gặp trận, lợi động sau, đó là nghĩa cử. Ra quân nên chính Bắc, đó là phép hướng về toán. Chiến nên chính nam, đó là phép tựa vào toán. Lợi trận cong, tương cờ đen vì được toán 18. Thấy mây từ Bắc lại, chủ thắng vì là theo toán mà lại, là thuận nên thắng. Chủ nghe địch dự bị mặt Đông Nam, vì Bài Văn trên Sáng Lớn. Binh kỳ yên ở mặt Đông Nam, vì Mặt chủ Bài Văn ở đất Giết lớn. Binh phục lợi giờ Thân Dậu Tuất, vì Ất Cả gặp giờ Ếm Ấp.

Phép xem toán khách, gặp trận lợi đông trước, đó là nghĩa khách. Ra quân nên hướng Đông Nam, đó là phép hướng về toán. Chiến lợi Tây Bắc, đó là phép tựa về toán. Lợi trận nhọn, tương cờ đỏ, vì được toán 19. Thấy khí mây từ Đông Nam lại,

thì khách thắng, vì theo toán mà lại là thuận nên thắng. Khách nghe địch dự bị mặt Đông Nam vì Mối kích trên Dương cả. Bình kì yên ở Đông Nam, vì Mất khách trên Giết lớn. Bình phục lợi giờ Thân Dậu Tuất, vì là giờ Ếm Ếp.

Mọi xem, lấy đó làm chuẩn.

Xem gió, mây, chim bay

Hai quân đối nhau, thắng phụ chưa phân. Hãy xem tính gió mây, chờ xét chim bay, thì chủ khách thắng phụ có thể biết.

Kinh nói: nên xem cung Ất cả, nếu gió mây từ phương đối xông Ất cả mà lại, là có chiến lớn, kịp phòng bị.

Giả như: Ất cả ở cung (9), ngôi Tốn Gõ. Gió mây từ cung Kiền 1 Kim lại, là xông bó Ất cả, thì hung. Ví, gió mây, chim bay từ phương tướng chủ và cung Ất Cả, phương Đức lại, thì khách thắng. Ví gió mây, chim bay từ phương Tuế Cả, tháng trở mà lại, xông trận chủ thì chủ thua, xông trận khách thì khách thua.

Xem mây từ 8 quẻ mà chia chủ khách

Lý Thuần nói gió: Hai quân đang đấu trước tìm ngôi 8 Quẻ để chia chủ khách được thua, có thể không cần bói mà dự biết được.

Ví gió từ phương Kiền 1 mà lại, với cung (8) cung (3), thì lợi khách, nên cử trước sẽ thắng, ứng sau thất bại. Ví từ cung Chấn (4) mà lại với cung (9) cung (2) thì lợi chủ. Ứng sau sẽ thắng, cử sau ắt bại. Ví từ Khôn (7) mà lại, chủ có mưu không thành. Cả chủ khách đều không lợi. Ví gió từ trời Đoài lại, khách có binh phục, chủ nên đặt phòng, nếu không thì thua lớn.

Nghe 5 giọng, xem gió, xét tướng

Thế gió âm âm, như xe chạy, như sấm động, như tiếng trống khua gọi là gió Cung. Tướng này khoan hòa, có trung tín.

Tiếng gió như kim gieo, chuông đánh, ngọc vụn loang soang (tạp bội hòa hướng), gọi là gió Thương. Tướng này mạnh, ưa chém giết.

Thế gió hú hú, phàm phập, như động cây rừng, là gió Dốc. Tướng này không thể đối trá được.

Thế gió như ngựa chạy, như lửa bốc bùng bùng, là gió Trủy, tướng này mãnh liệt, không thể tranh phong.

Thế gió như nước chảy, cuộn sóng tung tóc, gọi là gió Vũ. Tướng này tham bạo, nhiều gian trá.

Ra quân, thế thắng bại

Lý Thuần xem gió rằng: phàm ra quân, gió từ mặt sau lại, người hùng tráng, ngựa lồng hý, cờ xí như có thể cất lên vẩy địch, trống rung, còi thổi, tiếng như sấm dậy, vua tôi tương đối để điều hòa, tất được toàn thắng, lập công lớn.

Ví gió theo bên, vật hướng về trước là có người Trời phù trợ, được lương địch và địch về hàng.

Ngày ra quân, gió từ phương 5 - giọng - sống – nhau thổi về, trời đất trong sáng, ngựa xe lồng lộn, trên dưới vui vẻ, khí gió mát mẻ quân hành thắng tiếp, tướng thành công to.

Ví vào đất địch, lối yên doanh, đường thành lũy, trong 3 ngày thấy gió mưa sấm rền, từ quân ta mà chuyển vào cảnh địch, có thể uy Hổ, là có Trời trợ. Đi sẽ thu được vàng ngọc, lại được Rồng Hổ giao nhau, tất là một cuộc tôn chiến.

Phàm Gió là chủ, mây là Khách. Ví tiếng gió quá lớn, thể mây mỏng mảnh thì Chủ thắng, Khách bại. Ví khí mây dày đặc, gió thổi gấp, thể gió yếu nhỏ thì không thắng.

Lại nói: Mới ra quân, sau 3 ngày đường đi, thể gió bỗng xông lại ngược ta, cờ xí ngã nghiêng, tiếng người khiếp sợ, ngựa không hí, gió hoặc theo mặt sau, hoặc theo bên thổi tung cát bụi, người ngựa đi ngoảnh lại không còn lối bước, gọi là Gió Quỷ, thể binh thua lớn.

Ví ra quân, trong 3 ngày, gió to mưa lớn, oai không dậy, quân bại.

Ví khí trời tối tăm nặng nề, tiếng gió tán loạn, hoặc u ám đâu không mưa, đều là triệu dưới mưu hại trên, nên phòng bị đề tỏ trời răn.

Ví ra quân, lặng lẽ, gió quang, cây cỏ không động, không được giặc.

Ví mới ra quân, gió cuốn ào lại, cờ xí muốn gãy, đó là thời Trời không thuận, đại tướng tất chết.

Ví quân chạy, cờ xí trở lại sau, ba quân thua, tướng chiến chết.

Ví giữa đường gặp địch lại, khoảng giữa hai quân hoặc đánh hoặc không gió thổi ngược lại, cờ phan quét chân, không chiến cũng bại đến.

Ví cờ xí, thường nhon hoặc lê thê, hoặc rủ xuống, giao chiến, chết.

Hoặc mây trăn lớp lớp, cờ xí vừa mở thì gió bạo chợt đến, quần màn quân, nghiêng gãy cờ phan, cây rừng như muốn khô, đó là triệu ác lớn. Tướng mất ngôi, binh sĩ tan tác.

Ví gió mưa ngược lại, tung áo mọi người, đó là Trời khóc, quân soái thua lớn.

Ví giao chiến mà gió mưa xộc tới, đó là quân lạc tướng, triệu Tướng thua to.

Xem người đi về và địch đến hay không đến

(Lấy toán khách mà quyết)

Xem chờ người đi xa về hay không về, lấy toán chủ và khách mà quyết. Như số Chủ Phương Nam, đó là tự được số Chủ, thì người đi không thể về được.

Phép nói: Như xem về người đi phương Bắc, toán Mất khách ở phương Bắc thì không về được. Được toán Phương Nam thì về ngay. Gặp Ếm Kịch tuy đã phát mà chưa tới. Gặp ngăn cách, còn chưa phát.

Xem người đi Phương Nam, được 2 – 7 thì không về, được 3 – 8 thì về phương Đông, được 4 – 9 thì không về, được 1 – 6 thì về. Xem người đi phương Bắc, địch Bắc Mất khách được số 3 – 8 thì không đến, được 2 – 7, số phương Nam thì đến. Xem người đi phương Tây, Địch Tây, Mất khách được 1 – 6 thì không đến, được 4 – 9 thì đến.

Muốn rõ ngày về, như được toán (1) thì, gần là một ngày, chậm là 11 ngày, xa là 100 ngày. Lại lấy toán Mất khách, 1 là 1 ngày. Như toán được 23 tức ngày xem là ngày bắt đầu, đến ngày thứ 22 là đến kỳ về. Được số toán thì tới.

Trên đây xem người đi xa và địch 4 phương tới, cũng như nhau.

Xem lòng bắt kẻ phản trốn

Muốn lòng bắt kẻ phản trốn, lấy kẻ giờ mà quyết. Ví Khách viếng chủ, hoặc Mất dưới ở trong, hoặc Ất Cả và đại Chủ cùng cung. Mất Trời lổi đó hoặc mặt Trời ở trong, đều là bắt được.

Mất Trời, lấy nước là trong, lấy sau là ngoài. Ví ở Chủ ngoài được toán ngoài, đều là không bắt được. Lại nói: như Mất Trời và Mất Đất ở ngoài, với cùng cung cấp nhau đều là không được.

Muốn biết nơi ẩn trốn, dùng kẻ giờ

Ất Cả tới cung Ép Ếm, đi tắt bắt được. Như đất vây Bắc mà mạnh khá, có khí sống, không thể đi, đi tắt bị xỉ nhục, không bắt được.

Phàm kẻ trốn ẩn mà không động, lấy Mất đất mà xem. Bắt phản động chúng, úp vết, lòng bắt, lấy Mất Trời mà xem.

Xem cầm tù ứng với đối với người sĩ lại (chấp tù đối lại).

Kinh nói: Người hiền gặp nạn cũng có khi, cho nên Ất Cả kẻ giờ có thuật cầm tù.

Mất Trời Ếm Kích Ất Cả, hoặc Chủ ở ngoài hay ở thời mạnh, đều nên thừa với người lại mà vào ngục, dễ được giải. Một là: Chủ ở trong, thời mạnh, không thể thừa với quan lại, vào ngục. Còn một: Ất Cả mới vào cung, gọi là gặp nạn vào ngục, việc tắt lưu chậm.

Ất Cả và chủ cùng cung, Mất Trời tới, vào ngục dễ ra, gặp bậc quý để giải nạn.

Xem cầu sách lược có được không?

Phép Cổ nói: được Mất Trời ở trong, thì sinh yết bậc quý cầu tiền, cầu vật, ví Mất Trời ở ngoài không thể xin yết cầu sách lược.

Mất Trời ở trước là trong, ở sau là ngoài.

Trong là trống (hư), ngoài là lẽ (cô). Ví Chủ cấp Khách, không thể xin yết cầu sách. Như khách cấp chủ, cầu sách lược đều được.

Chủ ở trong là được, ở ngoài là không được. Toán được Mất trời ở trong, thăm người tắt gặp, cầu gì đều được. Đó là toán gặp người trên. Mất trời ở ngoài, thăm người không gặp, đều cầu không toại.

Mất trời cách Ất cả, gặp bậc Quý, xin yết, giấy tờ kiện cáo, trăm việc, trên dưới đều cách.

Ví chủ gặp thời Mạnh, không thể đến yết, và đến hầu vị tôn trưởng. Lại, Mất trời, xuân hè 6, thu đông 4, là số khí tuyệt, không thể xin yết cầu mong, gặp bậc Quý.

Mất trời cung 4, cung 9, mà Ất cả cung 3, đều là ngoài. Mất trời cung 1- 6 gọi là ở trong (Mất trời ở trong).

Biết Kẻ Giờ để xem mọi việc

Kinh nói: Mất Trời Ếm Ất cả, các việc chinh chiến, xây dựng, mua bán, trăm việc đều thua thiệt, không lợi.

Cửa đủ, tướng phát, âm dương hòa, trăm việc đều lành. Cửa chẳng đủ, tướng chẳng phát, toán không hòa, trăm việc đều hung.

Âm dương hòa mà cửa không đủ. Ba cửa đủ mà toán không hòa, nên nghe ngóng tin tức mà suy.

Chủ Cấp Khách và Ngăn Khách, có thể nói về người quan mà không có nói về người dân. Khách Cấp Chủ và Ngăn Chủ, có thể nói về người dân mà không thể nói về người quan - tức là các bậc Tam công, Tể phụ, Khanh Đại phu.

Lại lấy Lã thân trên năm tháng, ngày giờ, thấy Dương cả, Chủ âm tới phương nào, không thể ngấm nghĩ bởi hời. Phàm xem muôn sự, lấy Ất cả ở nơi Mạnh Khá hay Thôi Giam mà rõ. Như ở Thần Mạnh, tất nhiên là việc trở lại mới. Ở Thần Khá có việc tranh nhau. Ở Thần Thai, nói việc thai nghén. Ở thần Mất (Một) nói việc lo yếu. Ở thần Chết nói việc chết chôn. Ở thần Giam nói việc hình cầm. Ví cùng Ất cả đối nhau, lấy việc ân xá mà giải thích. Ở thần Thôi (hưu) lo bệnh tật, người đi xa mưu danh cầu không thành. Ở thần Phế, chủ việc vất bỏ, thay đổi, sợ hãi các việc.

Tìm 9 cung Mạnh Khá (vận vành trời 24 khí)

Năm xem tìm Ất cả, tháng xem tìm Mất trời:

	Dụng xuân	Giữa xuân	Dụng hè	Đến hè	Dụng thu	Giữa thu	Dụng đông	Đến đông
Mạnh vượng	8	3	4	9	2	7	6	1
Khá tướng	3	4	9	2	7	6	1	8
Thai thai	4	9	2	7	6	1	8	3
Mất Một	9	2	7	6	1	8	3	4
Giam tù	2	7	6	1	8	3	4	9
Chết tử	7	6	1	8	3	4	9	2
Thôi hưu	6	1	8	3	4	9	2	7
Phế phế	1	8	3	4	9	2	7	6

Mọi sự mà xem, hỏi cát cung.

Mất trời Ếm Ất cả đừng mong.

Bán buôn xây dựng đều không lợi

Mọi việc đem làm ắt chẳng xong.

Ví Mất trời theo bên Ất cả,

Muốn đi hay hoãn, chẳng yên cùng.

Khách mà Cấp Chủ đều không lợi

Chủ bị Ngăn Giam, ác nầy trùng (chủ bị khách...)

Mạnh khá 4 mối

Ất cả mà vào đất Mạnh xong,

Nói về việc mới, chẳng thành công.

Phé thì việc cũ, kiêm thay đổi
 Ở đó, người xa, xét kỹ càng.
 Chuyển tới Thai, thì sinh sản sự
 Mất, thời lo để, để mà hung
 Đi thuyền, hãy bị phòng thuyền đắm
 Ở chết, thì lo chết chóc trong
 Cửa đủ, tướng vượng (phát) muôn việc cát.
 Ví không, mọi việc chẳng thông dòng.

Thuật kỳ ra quân

Ất cả ra quân có thuật kỳ
 Tính từ Mất (Mất đất) đến Ất (Ất cả) sau suy (tới sau Ất cả)
 Được 2 – 8 với 12 số
 Và số 32, cửa đủ tùy
 Tướng phát thêm vào, quân dấy lợi,
 Ra quân, cướp đất, tốt khôn bì
 Cửa mà không đủ, trong khi Ất,
 Chủ thắng, còn như khách bại kỳ
 Ất ở bên ngoài, không cửa đủ,
 Toán này thắng khách, chủ thua lì
 Những khi Mất, Tướng, trên Giềng (Giềng trời) thấy
 Nam chinh, tìm Giềng, chiếu dưới đi.
 Vì Giềng trời, trăm gian đều lánh

Lại nói: theo Mất chủ, dưới 3 cửa mà qua, tắt lành. Dưới Ất cả có thể trốn đi. Cung Mất trời có thể ẩn giấu. Muốn trốn chạy, cứ dưới Ất cả mà qua. Muốn ẩn giấu, dưới Mất trời mà đi, không ai trông thấy.

Xem địch có gián điệp không?

(Trước Ất là trong, sau Ất là ngoài, suy đẩy mà ra).

Phép Ất cả, phạm khi chúa lâm trận, tắt xem có gián điệp không? Phép này, lấy Mất khách Đại tướng mà quyết. Tìm cung có Ất cả, và lấy cung đối xông làm giới hạn, chia trong ngoài để phân biệt sâu nông. Ví Mất Khách ở ngoài, Đại tướng khách cũng tới cung đó, thời gian tế vào cảnh ta.

Ví Mất khách với Đại tiểu tướng khách đều ở đất ngoài, thời địch vào hết cảnh ta rồi.

Ví Ất cả ở cung 1, các cung 6, 7, 2, 9 đều đứng sau, là trong, cung 6, lấy trong là gần, lấy ngoài là xa. Gần là đã vào cảnh xa. Xa là kỳ mới phát, lấy sâu nông mà định rõ.

Giặc đến nhiều ít (việc này xem Mới Kịch)

Cát bụi, ngọn lửa khởi, là có binh. Lấy Kể giờ mà định.

(16) trở lên, âm dương hòa, có địch lại, và địch động.

(15) trở xuống là ngấn, địch đến ít (số này là toán từ Mối Kịch đến sau Ất cả). Lại nói: ở Dương là có địch, ở Âm là không có địch, lấy số chẵn 4 lẻ mà chia âm dương. 16 trở lên có tướng có quân. 15 trở xuống là loài chuột, trộm, chó rông. Mối Kịch tới đâu, đấy là phương địch lại. Tới cả thì từ Đông lại, tới hữu từ Tây tới, tới 4 góc là đóng lấp địch không lại.

Địch hàng hay không?

(Dùng Mối Kịch, không dùng Kể Chủ).

Ất cả kể giờ xem địch hàng. Lấy Đại tiểu tướng khách mà quyết. Đại tiểu tướng khách ép Ất cả, hoặc ở trước Ất cả thì không hàng.

Ất cả chọn giờ.

Phép chọn giờ, toàn ở toán.

Được 1 là vua mình, điện chính.

2 là Thân vương, Thái tử.

3 là tôi Quí, ngôi Tể phụ.

4 là Thượng thư.

5 là Hoàng hậu.

6 là Phi tần, 7 là toán của Đại tướng quân, 8 là toán Thiên tướng quân (phó tướng). Từ Đại Phu trở xuống: số 9; 10 là Dân dưới.

Ví không Ngấn – Giam – Cách - Đối, toán kể hòa thì đủ phúc khánh. Ếm là thời ở cùng với Ất cả. Cách là đứng đối xông với Ất cả. Như Ất cả ở cung 8 thì Ngọ là Cách. Cách đối là có lo lắng. Như giờ Dậu, Ất cả ở cung 6 là Ếm, hung tới mau. Đứng bên tả hữu Ất cả là bức ép, tất có thương, như Ất cả cung 2, thời là Ty, Vị, Ất cả ế ép, thời không ép là có sự vui mừng (đây là nói Kể Giờ, Ất cả gặp ép, mà thời không ế ép, có sự vui mừng nhỏ).

7 thuật Ất cả

Lã thân trên xứ, xem Thần lớn

Mạnh Khá Thôi Giam biết dữ lành (dùng kể năm).

1. Tới bến hỏi Đạo

Lấy Lã Thân trên chi – năm địch khởi, xem dưới Thần lớn là năm phá địch. Lại lấy Lã Thân trên năm phá, xem dưới Thần lớn là tháng phá. Lấy Lã thân trên tháng phá, dưới Thần lớn là ngày phá. Lấy Lã Thân trên ngày phá, dưới Thần lớn là Giờ phá.

Nếu năm địch khởi, mà Ất cả được toán 5, là đóng lấp không cửa kẻ kia dấy quân sẽ bại, năm ấy phá được. Lấy Lã thân trên Ất cả dưới Thần lớn là phép nghiêm. Ví đuổi Đại Tướng, Đại Tướng chết; đuổi tham tướng, tham tướng chết.

Kinh rằng: Đời bình yên, địch dấy binh đất ta. Ta được kể trở thời phá địch, như đến bến hỏi đạo vậy (còn cửa không đủ, tướng không phát, không phải chỉ vì toán 5).

2. Sự tử ném lại

Lấy Lã thân trên năm, dưới Thần lớn là năm phá. Vì tới 4 góc thì 18 năm sau mới phá được. Ví ở đất Mạnh Khá cũng không phá được. Ở đất Thôi Giam Chết thì phá được. Như địch lấy Giáp Tuất dấy binh. Lấy Lã Thân trên Tuất. Thần lớn tới Sửu Cấn là góc Đông Bắc. Ở phương 4 góc thời 18 năm sau, đến năm Tân Mão mới phá được. Không đợi kỳ mà cứ tiến binh, thì không thể phá địch được, mà ta bị hoạn ném lại vậy.

3. Mây trắng cuốn trời

Ví 2 quân cũng ngang nhau, muốn xem thắng phụ, lấy Lã thân trên Đại tướng chủ. Thấy Thần Lớn gặp Mạnh phá, có khí, chủ thắng. Thần lớn tới Thôi Giam Chết Mộ, chủ bại, như Đại Tướng chủ cung 7. Lấy Lã Thân trên 7. Thần Lớn tới 1. Thần lớn thuộc Lửa, đuổi cung 1 Kim, Kinh rằng: ta đuổi là Giam, Thần lớn gặp khí giam. Đại tiểu tướng chủ sẽ bại. Lại như Đại tướng khách ở cung 3. Lấy Lã thân trên 3. Thần lớn tới cung 9. 9 thuộc Gỗ, Sống, Lửa, Thần Lớn. Sống ta là Khá. Đại tiểu tướng khách thắng.

Muốn biết Chủ Khách thắng phụ, dùng thuật này mà xem. Thần lớn tới phương Mạnh Khá. Sống nhau thì sĩ tốt tinh nhuệ dũng cảm, có binh nhiều không thể phạm được.

4. Hổ mạnh cự lại

Tìm ngày địch hạ doanh. Lấy Lã thân trên Ất cả. Thần lớn tới Mạnh Khá, doanh kia không công phạm được. Thần Lớn tới cung Bỏ Giam Chết Mộ, doanh không lâu tất bị phá, hoặc tự phá, nên tiến quân mà công. Khi muốn cử quân cướp trại, dùng thuật này (ví 2 quân tương đương, đều cần phải yên trại. Muốn cất quân trước, dùng Kể giờ mà định).

5. Ông Sấm vào nước

Khi binh tán bại. Tìm ngày. Lấy Lã thân trên Ất cả, xem Thần Lớn tới đầu. Cung Thần đuổi Đại chủ thì Đại tướng chủ chết. Đuổi Tham chủ thì tham chủ chết. Không thể thì sĩ tốt chạy tan. Thần Lớn Sống Mạnh 4 tướng thì không lo.

Như ngày Giáp Tý khối 301 Ất cả cung 6. Bài văn cung Sáng lớn. Toán chủ 18. Đại tướng chủ cung 8. Tham tướng chủ cung 4. Thần Kể Dàn. Mời Kịch Thìn. Toán khách 19. Đại tướng khách cung 9. Tham tướng cung 7. Lấy Lã thân trên cung 6. Thần lớn tới Khảm 8 thuộc Nước. Đại tướng chủ cung 8. Cùng loài là Mạnh, Đại chủ được khí Mạnh. Đại tướng khách cung 9 thuộc Gỗ. Thần lớn ở Khảm Nước. Nước Sống Gỗ. Đại tướng Khách được khí Khá. Chủ khách đều tốt. Nếu gặp cung Đuổi thì tất đến thua ta.

6. Rồng trắng gặp mây

Phàm 4 tướng Chủ Khách, muốn ra quân dựng trại. Lấy Lã thân trên Ất cả, xem Thần Lớn tới đầu cùng với Đại tướng chủ Mạnh Khá, có khí thì nên ra quân dựng trại. Bên Khách cũng vậy. Gặp Bỏ Giam Chết, tướng ấy không thể ra quân hạ trại được.

Lại nói: Ta là Chủ, kẻ kia chính là Khách. Tướng khách Bỏ Giam, Tướng chủ Mạnh Khá Đuổi Tướng chủ kia, nếu ra quân hạ doanh thì có thể giết tướng kia được, mà ta thắng lớn. Trái thế thì không lành. Nên xét kỹ.

7. Quân quay về không nói

Phàm việc binh, quý ở sự biết cơ trời mới thu toàn thắng, ca khúc khải hoàn, trên dưới đẹp lòng, không lời oán giận. Phép tìm ngày kẻ kia mới tới. Lấy Lã thân

trên Ất cả. Thần Lớn đến cung mà Mạnh Khá Đại tướng khách, tất là người trí dũng, kiêm có binh phục, nên cẩn thận đề phòng. Đại tướng khách tới đất Giam Chết, thời quân kia không trí, cũng không có binh phục, địch tự phá tự lui. Ví Tướng chủ Mạnh Khá, nên dùng binh, ra lúc không ngờ, có thể thu được toàn thắng.

Ngày ban sư cũng lấy Lã thân trên Ất cả, thấy cung Thần Lớn mà Sổng Mạnh Đại tướng khách, thời quân kia có binh phục, muốn cầu đường về, nên cẩn thận phòng bị. Nếu Sổng Mạnh Đại Tướng chủ, cũng nên phục quân nơi đường về để đợi mà công quân kia.

Chọn phép làm lễ (Kể ngày)

Ví nay là nguyên trên Giáp Tý, kỷ thứ 1. Nguyên Giáp Tý khối 28 ngày Tân Mão. Ất cả ở cung 2. Bài văn ở Lã thân. Toán chủ 14. Đại chủ cung 4. Tham chủ cung 2. Thần kể Hợi. Mới kích trên Sáng lớn. Toán khách, được 9 đơn. Đại khách cung 9. Tham khách cung 7.

Lấy Lã thân trên Ất cả ngày địch mới lại. Ất cả cung 2 thì Thần Lớn tới cung Đoài thuộc Kim. Đại tướng khách, cung 9, Tồn Gõ. Cung Thần Lớn Kim đuổi Gõ. Kinh nói: Ta đuổi là giam. Đại tướng khách khí giam, thế thì quân kia không có binh phục, tất tự thua, không làm gì được.

Phàm các tướng, cùng loài là Mạnh. Sổng ta là Khá. Đuổi ta là chết. Ta sống là Thôi. Ta đuổi là Giam. Ví Tùng cao thuộc Gõ, thời Lã thân là cùng loài, Mạnh, Chủ đất, Nghĩa lớn là Khá Đức âm, Đức võ. Nhóm cả là Chết, Đức Dương, Đức Hòa, Âm cả, Đạo trời, Võ lớn, Chủ âm là Giam. Sáng lớn, Thần lớn là Thôi.

Bài ca đãi vàng nhỏ

(Trương Thường soạn, trong 407 chữ, gom trọn Âm dương 144 khối).

Ất cả trừ vòng hai bốn (24), mỗi cung 3 toán 1 rời, Dương từ cung 1 truyền xuôi, Âm khởi 9 cung chuyển ngược (cứ toán của khối, lấy 24 trừ mãi. Không hết, lấy 3 rút, là vào cung). Mười tám trừ Dần, khởi Võ Đức, Mất trời gặp Kiền Khôn lưu 2 (Âm khởi từ Dần, gặp Cấn Tồn cũng lưu 2 toán).

Dương Dần, Âm Thân ngược chuyển. Thần kể là đây in lối bước (Đến giờ dùng thì chỉ, qua 12 thần).

- Trên Đức Hòa, đặt Thần Kể, tìm ngôi Mất khách chờ Bài văn, toán, chủ khách, từ Mất đi, tới Ất sau lưng là số được.

- Cung chính tính số cung.

Gián duy tùy 1 ước.

Trên Chi, Thần Hợp, thứ ngôi Kế định chốn Bài Văn.

Kế định toán xem, Ất cả đầu này cung 1 vượt.

- Đặt ngôi Đại tướng số linh,

Tham tướng nhân 3 hồ ước.

- 72 khối đều theo,

Giữ đạo ân cần xét nước.

- Năm tháng ngày giờ đủ chẳng đủ, 240 số dư trừ

Mỗi cửa 30 số trú lưu, cửa. Mở chiếu xuôi dòng khởi trước.

- Duy giờ trừ 120, Âm Dương hai Đến không làm.
Dương Mở rồi Lành, Sống đến Thương, Đóng Lớn Chết Kinh Âm lướt.
- Hai cửa không đủ Mở và Sống. Ba cửa không đủ Chết Đóng Lành.
Ất cả không vào 3 cửa kia, gọi là cửa đủ trời ban phước.
- Muốn hay chủ khách được thua,
Nội ngoại sâu nông phải lược.
- Ất kia trợ khách 9,2,6,7 qua ngôi
Ất cả chủ phù, 1,8,3,4 rạo rước.
- Ví chia chủ không trước sau sao
Cửa đủ tướng phát là bên được.
- Ra quân hướng hai Đại, chiến hướng mặt xông.
Dùng trận theo toán phương, trương cờ số ngược
- Đen cong vì 1, 8; vòng tròn bởi 2, 5.
Trắng vuông 6 – 7 nên, 4 – 9 hồng nhận thuộc
- Cung 3 là Gõ, trận cờ nên phải thẳng xanh
Bốn hướng mây bay, chủ khách hướng vào thuận khước.
- Nghe địch muốn hay có phục, 2 mắt phương này.
Nhận điều chủ khách ngăn nhau, đều phòng bị cuộc.
- Binh kỳ từ hai Mất mà ra.
Binh phục nên ép che (ếm) kì cuộc.
- Tinh vi cùng cứu, xem đoán khởi nguyên
Động tĩnh thăm dò, tướng bên chủ khách.

Ất cả 10 tinh rõ toán

Mười tinh là 9 sao trời vòng Ất trời cộng với Ất cả gọi là 10 tinh.

Làm tướng, xét thời trời để biết tiến lui. 10 sao này gửi về gió mưa. Thấy hợp là xem. Mưa mù tăm tối có thể không vấp.

Trương Lương nói: Thẻ đế, thời trời, 5 gió, 3 gió hợp ở cung dương thì tạnh, hợp ở cung âm thì mưa. Hợp là cùng cung với Ất trời.

Âm dương thuận khí dự tiên tri,

Gom cả 10 tinh để tính suy

Tôn trời lấy bốn trừ vòng

Dương từ tám sáu về giòng hai tư (8, 6, 2, 4).

Âm hai bốn tám sáu giờ (2, 4, 8, 6)

Ất va, là đặng phải giờ gió to.

Hoàng Trời hai chục trừ lo,

Không đầy, Đức vô thuận đồ dương xuôi.

Âm từ Lã thân ngược chơi,
Kiền, Khôn, Cấn, Tốn gặp thời lưu hai (2).
Thẻ để hai mươi vòng cài (20).
Chủ âm dương khởi thuận bài chuyển lưu.
Hè từ Dương cả ngược chiều,
Khi qua bốn Giữa nhớ điều bội lên.
Chim bay vòng chín số liền (9).
Đông về, thuận khởi một Kiền trở đi (Kiền 1).
Hè về, từ chín ngược vì (9)
Cùng cung với Ất là kì sao băng.
Năm hành vòng năm số đặng (5)
Một tám ba chín bảy chẳng dương âm (1, 8, 3, 9, 7)
Chín hai bảy một ba, âm (9, 2, 7, 1, 3)
Hợp cùng Ất cả gió âm âm bay.
Ba gió vòng chín số bày (9),
Dương từ ba bảy hai chầy sáu qua.
Một năm chín bốn tám sa (3, 7, 2, 6, 1, 5, 9, 4, 8)
Vòng âm bảy đến ba và tám tư
Chín năm một sáu hai đưa (7, 3, 8, 4, 9, 5, 1, 6, 2)
Hợp cùng Ất cả trời vừa tối tăm.
Thời trời mười hai số thăm (12)
Lã thân, dương khởi thuận nhằm nẻo xuôi
Âm, từ Đức vô ngược chôi
Ất hòa, mưa gió đôi hồi kéo theo.
Năm gió vòng chín gieo neo (9)
Dương một ba đến năm leo bảy cùng.
Chín hai bốn sáu tám cung (1, 3, 5, 7, 9, 2, 4, 6, 8)
Âm từ chín bảy năm vòng xuống ba,
Một tám sáu bốn hai qua (9, 7, 5, 3, 1, 8, 6, 4, 2)
Mặt trời biến sắc, Ất Hòa hợp nên.
Tám gió vòng chín thuận chiều (9)
Dương từ hai thuận (2), Âm miền tám leo (8 ngược).
Ba năm lại hợp Ất trèo (3, 5)
Hợp Dương, nắng hạn, gió vèo thổi tung.
Hợp Âm, mưa giáng mây mừng.

Thánh xưa lưu lại để trông chờ trời

(Dương 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 1 Âm 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 9)

Xét khí mây, xem mưa tạnh

Đội ngấm mưai tinh với khí mây,

Những ngày Ất cả mới rồi đây.

Hai ngày dư lại không xem được,

Giờ kể cũng theo 1 phép này.

Trời mọc lặn và trời tạnh ráo,

Dưới, trên, tả, hữu, khí sao vay.

Mạnh, xanh, với số 3 và 4 (3, 4)

Hắn biến vào thời Dần Mão nay.

Mạnh, số chín hai, màu sắc đỏ (9, 2).

Định rằng biến Tỵ Ngọ là chầy

Mạnh, mà bảy sáu, pha màu trắng (7, 6)

Thân Dậu là thời phát đổi thay.

Một tám, mà màu đen xạm lại (1, 8).

Phát thời Hợi Tý lượng cho hay.

Hoàng Trời (hợp Ất cả) hiền tướng, vâng thêm phong.

Mạnh Khá, ngang trời mưa bụi tung.

Ví thấy chiều tà sương sắc hắc,

Định rằng Hoàng Ất hợp phương Đông.

Hợp tây, mây khí, vàng đều hiện,

Nam, định mưa to, chạy ngược vùng.

Sao hợp tối rằm, trời sắc ố,

Tôn trời mưa giáng, tối mung lung.

Hoàng Trời và Ất cả hợp ở cung dương thời trời quang, ngày mù mịt, ở cung âm thời trăng quang, đêm tối mịt. Tán rằng: Hoàng trời Ất cả là thần nắm giữ muôn nước. Ví Hoàng gặp Ất thời trời quang, gió to. Hợp ở đất mạnh khá thời, gió suốt gầm trời. Hợp phương Đông, trời quang, gió to. Hợp ở Nam, tối mù mịt. Hợp ở Tây, trời quang, có khí mây. Hợp ở Bắc mặt trời u ám. Hợp với Tôn trời, mưa mù, trời trắng có biến. Hợp với số Ất cả có mưa gió lớn. Hợp với Thời trời, trời hơi tối. Hợp với Năm gió, có gió khởi.

Kể ngày, số ấy mà cùng hợp,

Âm, định mưa to, Dương ám mùng.

Hợp chín, cung này mờ sắc ố,

Khuông trời quang tối chốn thần cung.

Chim bay, hơi tối, mưa nho nhỏ.

Hợp với thời trời, tạnh sáng trong.
 Năm gió, thì rồi tung gió gấp,
 Sáng, mây dần khởi, tối tăm lồng.
 Chua rằng: Cùng chim bay Ất cả cùng cung, mưa nhỏ, trời mờ.
 Hợp thời: Trời Ất cả cùng cung, hơi tối. Gặp Năm gió, gió to khởi.
 Mặt trời, mây phủ nên xem xét.
 Thôi, Ép má vào, chẳng nhỏ mong.
 Ví lại mưa dầm, Kiêm Ép Kích,
 Trong âm, nắng hạn giáng tại hung.
 Chua rằng: Cùng Mặt trời cùng cung, cho nên có ứng này.
 Trên đây, nói Hoàng Trời, Ất cả.
 Thẻ đế, tướng hiền ví hợp cung,
 Trời quang, thêm có gió to bông.
 Cây lay, hiu hắt, vì tươi Mạnh,
 Mất sáng, trời đi lệch lạc vòng.

Thẻ đế và Ất cả hợp cùng cung thì trời quang, gió to. Nếu hợp ở đất Mạnh Khá, mưa nhỏ, gió cuồng. Hợp cùng Mặt trời, trời quang, hơi tối, gió mạnh, hoặc trời trắng có biến.

Lại nói: Cùng Năm Gió, Năm Hành, Tám gió, Ba gió đều hợp cũng vậy. Hợp cùng Ất cả, ở cung dương thì tạnh ráo, nắng hạn. Ở cung âm, mưa mù.

Thời (thời trời)

Ví tướng hiền, mưa và gió, sao gà (kê tinh), xưa chép cũng cùng đồng. Mạnh phương, mưa gió đầu bay đến, Giam chết, làm trời u ám mừng.

Tinh tán nói: Gà báo sáng, xem đêm, xét thời trời, cùng Ất cả hợp ở đất Mạnh Khá thì mưa mù, có gió chợt khởi.

Tôn (Tôn trời)

Vị tướng hiền, cùng Ép Bó,
 Mạnh, thì mây đặc với mưa trùng.
 Hai tư tám sáu, trời mù, lạnh (2, 4, 8, 6)
 Thẻ đế mưa bông, gió sóng tung.
 Ví gặp Chim Bay, mưa nho nhỏ,
 Cảnh trời ảm thấp, có bao không.

Tôn trời và Ất Cả hợp với đất Mạnh Khá, thì tối mù mưa lạnh. Hợp ở cung 8, trời có quang. Hợp cung 6, tối mù. Hợp cung 2, tối tăm lạnh lẽo. Hợp cung 4, trời quang. Cùng Chim bay hợp, trời tối, thấp ướt, mưa nhỏ.

Chim bay, ví gặp cung hiền tướng,
 Mạnh khá phương này tối mịt mừng.

Biến động sao trời, hay gió nổi,
Thời trời mà hợp, gió mưa trùng.

Chim trời và Ất cả cùng cung, tới phương Mạnh Khá, sao trời bay đổi. Không phải đất Mạnh Khá thì có gió to.

Trời khí dày thì mưa, mỏng thì gió. Sương mù vàng thêm đen, đỏ thời gió, trắng, xanh thì gió, lạnh đóng.

Như nắng hạn lớn thời thường, xem âm. Mưa lớn thời thường xem dương. Mạnh khá, khí biến rất nhanh, Hợp với Thời Trời.

Trời mưa âm. Hợp cung 9, 6 thì trời quang. Hợp Ba gió Năm gió thì gió lớn.

Năm Hành hiền tướng, phong vân bạo

Có khí, phương này mưa dễ dàng.

Năm gió, Mặt trời, mưa với tới,

Hợp với thần gió, gió mưa lồng.

Sao trời, gió lồng, không sai suyễn.

U ám Tôn trời đóng ở trong,

Thời (thời trời) hợp, một trời mù mịt tối.

Hợp Âm cả sóng nổi mênh mông.

Năm Hành Ất cả hợp cùng cung, gặp đất Mạnh Khá, gió bạo, lạnh lớn, khí mây mù mịt, hoặc có mưa. Hợp với Năm Gió, gió to, trời trắng có biến. Hợp với Thời trời, tối tăm, mây mù, gió thổi. Hợp với Mặt trời, gió to, trời trắng biến. Hợp với Thẻ đế, gió tới hơi ám. Hợp với Tôn trời, trời trắng biến sắc, hơi ám.

Tám gió : Ất chung, Mạnh Khá bàn,

Mưa bay nho nhỏ, gió đưa làn.

Thêm Ba, mờ mịt càng thêm mạnh,

Năm gió mờ tan, gió mạnh tràn.

Tôn (Tôn Trời) gặp, mưa dầm, như với Thẻ (Thẻ đế).

Thời Trời, mây ám khó mà tan.

Hoàng Trời gặp phải, trời thay đổi.

Âm cả làm giờ sập tối lan.

Tám gió với Ất cả hợp ở đất Mạnh Khá, mây khởi, mưa nhỏ. Hợp với Ất cả ở cung dương, có gió. Ở cung âm, có mưa. Hợp với Thẻ đế, mưa tới. Hợp với Hoàng Trời, có gió lớn, trời trắng có biến. Hợp với Năm gió, gió lớn tối mù. Hợp với Thời Trời, tối mù, trời trắng có biến.

Năm gió, tướng hiền. Mạnh Khá chen.

Gió cuồng, mưa bạo nổi theo liền.

Tôn trời ví lại cùng ngôi vị,

Mưa nhỏ, trời mờ, chẳng rõ phen.

Thẻ đế, Chim bay, mưa sập tới.

Thời (Thời Trời) và Mất (Mất Trời) tối, gió mù liên.

Cùng Ất cả hợp ở cung Mạnh Khá, trời trắng có biến, mê mù không thấy trời, mưa bạo gió cuồng cùng đến. Hợp với Tôn trời, có mưa nhỏ, trời trắng có biến. Hợp với Thời trời, gió lớn. Hợp với Mất trời, tối mù, mưa nhỏ, trời trắng có biến.

Ba gió tướng hiền, lạnh lẽo mây,
Chim, Thời, hôn ám tới liền ngay,
Thẻ, thì tầm tối, khôn lay chuyển.
Tôn đến, mưa tuôn, hơi tối ngày.
Năm gió cùng vào, ám áp phát,
Hoàng trời cũng vậy, luận cho hay.
Mất trời, có gió âm, mưa giáng,
Tám gió cùng vào, trời đất lay.

Ba gió và Ất cả hợp ở đất Mạnh Khá, trời trắng không ánh sáng, gió lạnh, 4 mặt nổi dậy. Hợp với Mất trời, có mưa âm lớn. Hợp với Thời trời, có mưa âm nhỏ.

Hợp với Chim bay, gió mạnh, mây kéo đến. Hợp với Thẻ đế, hơi âm u. Với Tôn Trời, mưa âm. Với Hoàng trời, Năm gió, trời trắng có biến.

Thay đổi chính lệnh (tướng quốc chính)

Phép lấy Lã Thân (Dần) trên năm vua mới tức vị. Thấy Nhóm cả (Dậu) tôi đâu, là năm nước đổi mới, chính lệnh thay, phong tục rồi, màu mặc biến.

Dưới Dương Cả (Thìn), kỷ luật bỏ trễ, ách hội binh đao.
Dưới Chủ Âm (Tuất), tội gian giảo mưu, hung tang, họa lớn.
Dưới Chủ Đất (Tý), lễ nghĩa biến mất, lời dân tiếng tục.
Dưới Đức Vỗ (Thân), rời đất thay nền, xây cung, dựng thất.
Dưới Nghĩa Lớn (Hợi), bỏ phế, giáp gãy.

Kỳ nhanh chậm xa gần, lấy số chi can của năm ấy, suy ra mà biết Toán dài hòa, sự ứng ở xa. Toán ngắn không hòa, sự ứng ở gần. Toán hòa dài, năm trường, xa thì 90 hoặc 180 năm. Toán ngắn, không hòa, gần trong 9 năm.

Lại xem Nhóm cả, Dương cả, Chủ âm, Đức vỗ, Nghĩa lớn, Thần lớn (Ty) tới cung nào, có Giam Ép Kịch, Cáp, Cách, Đổng, dai hay không? Ví có, thì vì cái cách không hay, biến thành hung.

Xem tai phát trong năm

Phép lấy Thần - Hợp tuế (Lã thân) trên Chi Năm. Bài Văn ở đâu là tháng phát tai họa. Cung xông biến cũng thế. Như Văn ở Thìn, tai phát tháng 3. Tháng 9 cũng phát.

Muốn biết ngày giờ khởi phát, lấy Thần - Hợp của tháng trên chi tháng. Thấy Bài Văn ở đâu thì biết ngày phát. Phương xông cũng vậy.

Lại nói: Thần - Hợp Chi tuế trên ngôi Chi tuế. Thấy Văn tới cung Dương thì năm có nắng hạn. Ở cung âm, năm có nước to. Như trên Cung Ất cả, hoặc trong khoảng Cách, Êm, Ép, Kịch, Dẫn, Cáp thì vua tôi không cùng lòng, năm không được mùa. Bài văn là chủ, cũng dùng Êm Cách mà đoán.

Lấy bản mệnh chúa sáng nghiệp trên năm ngôi. Tìm Thần trên bản mệnh, thấy:

Thần lớn, Nghĩa lớn là âm trùng, từ 1 đến 4.

Thấy Dương cả, Chủ âm là số dương, từ 2 đến 5.

Thấy Tùng cao, Nhóm cả là đối âm, từ 3 đến 6.

Thấy Lã thân, Đức vô là dương trùng, thì 7 đến 1.

Thấy Đức Dương, Đạo trời là số âm, thì 8 đến 2.

Thấy Chủ đất, Oai lớn là đối dương, thì 9 đến 3.

Khí Mạnh Khá thì bội lên. Chết Bỏ thì bớt đi.

Lấy năm lên ngôi trên Nghĩa lớn, thấy Dương Cả, Chủ âm là hội ách. Từ năm lên ngôi chuyển đến đây, biết hạn hết ngôi.

Từ năm lên ngôi, dương xuôi âm ngược, tích lại cho đến hội ách thì chỉ. Không có hội ách thì đến Ất cả, tìm toán là bao nhiêu, mà suy lạnh dữ.

Giá như: Hán – Cao Tổ bản mệnh Giáp Dần. Lên ngôi năm Ất vị. Lấy Giáp Dần trên Vị, năm lên ngôi, xét thần trên Dần Lã thân, thì thấy Chủ âm là số dương (2) đến (5). Ta Đuổi là khí giam, không tính bội, nên được 25 Đế.

Lại lấy năm lên ngôi trên Nghĩa lớn, thấy Chủ âm tới Dần (chú ý: bản nguyên ghi là dương cả tới Thân). Từ Vị khởi 1, chuyển ngược: Đạo trời, Oai lớn. Sáng lớn, Tùng cao, được 16 toán (chú ý: bản nguyên không ghi Oai lớn) nhưng đến năm thứ 12, Kể tuế Ất cả. Vào khối 67, Tuế Ngọ, cung Ất cả Cách Chủ, thì đế đã băng hà.

Lại lấy Vị trên Nghĩa lớn, thấy Chủ âm tới Dần. Sau Vương Mãng, năm Bính Dần thoán ngôi (Toán này thuộc khối âm 272 Ất vị thì phải).

Đường Cao Tổ, bản mệnh Bính Tuất, lên ngôi năm Dần. Lấy Tuất trên Lã thân Dần. Thần trên Tuất là dương đối thì 9 đến 3. Số bản mệnh là khí khá, nên bội thêm $2 \times 9 = 18$ đế (trong bản nguyên gọi là Khí Mạnh, không phải Khá).

Lại lấy Dần trên Nghĩa lớn. Dương cả tới Sửu. Từ Dần khởi 1, chuyển ngược về Cấn, được 4 số. Mạnh thì bội thêm thành 8. Năm thứ 9 thì truyền ngôi.

Phạm xem kể tháng, khởi từ năm Giáp Tý đến năm dùng việc, xem được bao nhiêu toán. Giảm 1 toán, rồi lấy 12 nhân lên. Thêm Trời chính, đất chính 2 toán. Như năm nay, tháng 5 xem, thì thêm 5 toán nữa, cộng lại được là bao số. Dem 360 trừ mãi. Số dư, lấy phép khối 12 mà trừ. Còn bao nhiêu là vào toán.

Ất cả

Mao Tử nói: Lời của nhà thuật số là nghiêm chỉnh. Sáu Kinh không ai dẫn lối. Mà Tổ, thì bảo là Tiên Thái. Tiên Thái qua. Sáu Kinh không truyền. Đạo tản mát trong mọi nhà. Mỗi nhà dùng thuật mà vận. Vận hợp với đạo thì nghiệm. Nghiệm thì truyền lại. Truyền lại rõ rệt nhất có 3 nhà là Ất cả, sáu Nhâm, Cửa kì, đều bảo là do Tiên sinh Tề mà có, lưu cho Thủy Hậu, nhưng không khảo cứu vào đâu được.

Đến như Sáu Nhâm, lời Phạm Thiếu Bá nói như sau: ta bảo rằng, phép đến nay đã đổi ngược lại, lời đoán không sát, cho nên bảo phi lời Tiên Thái thì không thể được.

Tề Ất cả, lý lẽ đủ, hợp với thuyết của mọi nhà. Cho nên nói đến 3 nhà, tất lấy Ất cả thống tất. Lời Ất cả có 9 tức 9 số của Thơ Lạc.

Nói đến chủ khách, Đại tướng, Tham tướng, Mối kích, các loại ấy là đều dựa vào việc binh mà lấy tên. Mượn binh để gọi Năm Hành, chứ không phải dùng Năm Hành để gọi binh, vì rằng việc binh là việc thiết thực, cho nên nhờ đó mà soạn. Giản dị và minh bạch, nếu không chẳng dám toán về miếu đường. Rõ ràng và đầy đủ, nếu không chẳng dám tính khối bày ẩn, đoán trận. Cho nên nói binh có tới nửa vậy. Nếu như suy xét để bày trận, không ngoài việc cứ vào lý thuyết là lời xét định. Xét định có quá không phải là lỗi của lý. Gặp trận, xét định theo trên, còn như bùa phép tế đảo, Sáu Kinh không dạy.

Sáu Kinh nói: Nếu bói toán, cáo với thần minh, đã gặp lẫn rồi thì làm bùa phép, tế, đảo, thể tất đến vậy. Cho nên chỉ chứa ước lược, không dạy những điều không rõ.

HẾT CUỐN III